

Khoa học Công nghệ & DOANH NGHIỆP

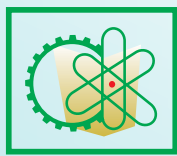
Số 03-2015 (03)

LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN TỈNH LÂM ĐỒNG



- Phát triển bền vững các hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- Luật Doanh nghiệp 2014 - Những điểm mới, vướng mắc và việc tháo gỡ
- Thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp
- Nâng cao chất lượng chè Lâm Đồng trong giai đoạn hội nhập quốc tế



Khoa học Công nghệ & DOANH NGHIỆP

Trong số này:

Chính sách - Định hướng

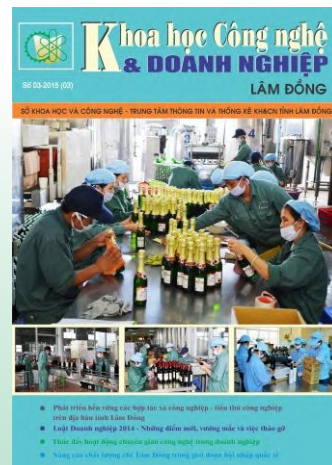
- Huỳnh Ngọc Hải** - Phát triển bền vững các hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- Nguyễn Minh Tâm** - Thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp
- Lê Thị Hạ** - Luật Doanh nghiệp năm 2014 - Những điểm mới, vướng mắc và việc tháo gỡ
- Lê Minh Hương** - Giải pháp tài chính tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển
- Nguyễn Văn Lục** - Nâng cao chất lượng chè Lâm Đồng trong giai đoạn hội nhập quốc tế

Hỗ trợ Doanh nghiệp

- Lê Viết Thuận** - Nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh qua áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng
- Trần Thị Thái Hòa** - Cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ tại Công ty TNHH du lịch Song Châu Đà Lạt
- Văn Việt** - Doanh nghiệp tạo thu nhập ổn định cho nông dân
- Dương Thị Lệ Quyên** - Quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- Tin cảnh báo của các nước thành viên WTO

Khoa học, Công nghệ và Đổi mới

- Huỳnh Công Khánh** - Cải tiến hệ thống thu gom màng bọc bề imhoff tại Xí nghiệp Quản lý nước thải Đà Lạt
- Công nghệ mới - Sản phẩm mới



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN

Địa chỉ:

Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt

Điện thoại: 063.3833163

Email: khcn@lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PGS. TS. Lê Xuân Thám

Biên tập

KS. Nguyễn Minh Tâm

CN. Nguyễn Xuân Hùng

KS. Ngô Đình Văn Châu

ThS. Phạm Thị Nhâm

CN. Ngô Huy Đông

ThS. Nguyễn Thanh Nhân

Huỳnh Thanh Mai

Trình bày:

Lê Cao Nguyên

Ảnh bìa:

Văn Báu

Sản xuất rượu vang tại Công ty
Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC HỢP TÁC XÃ CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

HUYỀN NGỌC HẢI

Giám đốc Sở Công Thương

Phát triển các hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

"Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt", "kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân" đã được xác định tại Nghị quyết Đại hội của Đảng. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Nghị quyết đã đề ra mục tiêu đến 2010 đưa kinh tế tập thể thoát khỏi những yếu kém, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, tiến tới có tỷ trọng ngày càng lớn hơn trong GDP.

Là địa phương có tiềm năng thế mạnh về nguyên vật liệu để phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, việc tập trung ưu tiên phát triển mô hình hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được xem là giải pháp hữu hiệu nhằm tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng nông thôn.

Cùng với việc quan tâm, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể theo lĩnh vực quản lý, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 25/02/2015 Quy định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020.



Gia công hàng may mặc tại Hợp tác xã Hiệp Nhất, huyện Đạ Tẻh

Theo đó, Sở Công thương đã xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã thuộc ngành quản lý. Đến nay, trên địa bàn có 29 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực công thương, gồm 25 hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và 4 hợp tác xã thương mại.

Hàng năm, từ nguồn kinh phí Khuyến công, Sở Công Thương đã hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức tham gia hội chợ, các chương trình liên kết giữa ngành Công Thương các tỉnh, tổ chức tham quan, học tập, bồi dưỡng kiến thức quản lý nâng cao khả năng cạnh tranh cho các hợp tác xã, hỗ trợ truyền nghề, khôi phục ngành nghề thủ công truyền thống, mở các ngành sản xuất và sản phẩm mới... nhằm giúp doanh nghiệp, hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, mở rộng thị trường.

Đồng thời, hỗ trợ các hợp tác xã triển khai nhiều mô hình trình diễn, đầu tư máy móc trang thiết bị, nhà xưởng... như hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất các sản phẩm đan lát từ mây, tre, bèo, dẹt, đan, móc len cho người lao động khuyết tật tại huyện Đức Trọng; hỗ trợ các đơn vị tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; xét tặng danh hiệu nghệ nhân trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp (đến nay, UBND tỉnh đã công nhận 10 nghệ nhân trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp).

Tuy nhiên, nhiều hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã bộc lộ một số hạn chế nhất định, đòi hỏi các cấp, ngành có những biện pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như tính cạnh tranh trong lĩnh vực kinh tế tập thể này. Đó là kinh tế tập thể vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém

kéo dài; tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tập thể chậm, thiếu ổn định, tỷ lệ đóng góp vào GDP chưa cao; các hợp tác xã còn hạn chế về năng lực tài chính, thiếu vốn để cải tiến môi trường làm việc, máy móc, thiết bị; việc huy động vốn từ xã viên gặp nhiều khó khăn do khó tiếp cận các nguồn vốn vay ngân hàng, quỹ hỗ trợ hay các kênh tài chính khác vì không có tài sản thế chấp. Các hợp tác xã còn lúng túng trong việc tìm kiếm phương thức hoạt động hiệu quả.

Giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững các hợp tác xã

Trước thực trạng trên, ngành Công Thương xác định một số giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững các hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh như sau:

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể

Tiếp tục phối hợp với Liên minh hợp tác xã, Hội Nông dân, các cơ quan, đơn vị thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản liên quan;

hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, hỗ trợ nâng cao số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã ngành Công Thương.

Hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hợp tác xã: hướng dẫn, tổ chức đăng ký thành lập hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản liên quan.

Đào tạo, thiết lập đội ngũ cán bộ chuyên trách thực hiện công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế tập thể có trình độ và năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu công việc.

Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm tăng cường liên doanh, liên kết giữa các hợp tác xã, hợp tác xã với nông dân, doanh nghiệp hình thành chuỗi liên kết cung ứng sản phẩm, dịch vụ có tính bền vững như hỗ trợ mời các chuyên gia thiết kế mẫu mã nhằm phát triển các sản phẩm độc đáo cho các hợp tác xã của tỉnh (tranh chừa lọng, tranh thêu tay, sản phẩm thổ cẩm, len...).

Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã

Hỗ trợ hợp tác xã xây dựng phương án hoạt động phù hợp với khả năng và nguồn lực, tiềm năng phát triển của địa phương và quy hoạch phát triển ngành Công Thương.

Hỗ trợ các hợp tác xã xúc tiến tiêu thụ nông sản cho xã viên thông qua Dự án xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp của Tổ chức JICA - Nhật Bản.

Hỗ trợ thông tin và đối tác tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới, tiên tiến phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong chế biến, bảo quản nông, lâm sản, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm của khu vực kinh tế tập thể.

Khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển hợp tác xã, tăng cường tính tự chủ, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của hợp tác xã, nâng cao vai trò của hợp tác xã đối với sự phát triển, bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường năng lực cạnh tranh của kinh tế tập thể và các cơ sở sản xuất - kinh doanh quy mô vừa và nhỏ trong điều kiện cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần ổn định kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương.

Xây dựng các chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm sau thu hoạch; quản lý chất lượng hàng hóa; thiết kế, quản lý nhãn hiệu, mẫu mã sản phẩm. ■



Các tổ viên đang kéo máy tại Hợp tác xã đan móc len Kim Thoa, xã Đông Thanh, huyện Lâm Hà

THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG DOANH NGHIỆP

NGUYỄN MINH TÂM

Phó giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Hoạt động chuyển giao công nghệ tiên tiến được nhà nước khuyến khích nhằm tạo ra các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, thân thiện môi trường, bảo vệ sức khỏe con người, phòng chống thiên tai...; hạn chế hoặc cấm chuyển giao công nghệ cũ, lạc hậu, ô nhiễm môi trường...

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, mỗi doanh nghiệp dù kinh doanh ở lĩnh vực nào, thị trường nào cũng đều đứng trước thách thức cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Để tồn tại và phát triển, đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng với giá thành cạnh tranh. Trong bối cảnh đó, đổi mới công nghệ là yêu cầu bức thiết, giúp doanh nghiệp, nhà sản xuất cải thiện, nâng cao chất lượng, củng cố, duy trì và mở rộng thị phần; đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm; giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu; cải thiện điều kiện làm việc, tăng độ an toàn sản xuất cho người và thiết bị, giảm tác động xấu đến môi trường. Đặc biệt, về mặt lợi ích thương mại, nhờ đổi mới công nghệ, chất lượng sản phẩm được nâng lên đồng nghĩa với việc doanh nghiệp

Chuyển giao công nghệ là chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ. Trong đó, công nghệ được hiểu là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm. Như vậy, có thể thấy bản chất của chuyển giao công nghệ là chuyển giao tri thức để sản xuất sản phẩm. Các nội dung chuyển giao đều có thể gắn với quyền sở hữu trí tuệ ở chừng mực nào đó. Chuyển giao công nghệ không chỉ đơn thuần là việc chuyển giao tri thức ở dạng hiện, mà còn ở dạng ẩn trong các công cụ, thiết bị đặc thù kèm theo. Bên cạnh đó, vấn đề làm chủ công nghệ của bên nhận chuyển giao là một yêu cầu rất quan trọng, thông qua hoạt động hướng dẫn, đào tạo, tinh chỉnh công nghệ tại vị trí bên nhận. Tất cả các khía cạnh này cần được xem xét trước khi quyết định thực hiện việc chuyển giao, nhất là đối với bên tiếp nhận công nghệ.

sẽ tạo được ưu thế vững vàng trên thị trường cạnh tranh. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ không có nhiều khả năng nghiên cứu phát triển công nghệ mới, việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ là cần thiết nhằm giải quyết các vấn đề phát triển sản xuất theo hướng đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tại các nước đang phát triển, việc tiếp nhận công nghệ tiên tiến nhằm tạo ra các sản phẩm phù hợp, giúp doanh nghiệp gia nhập thị trường đã hình thành một cách thuận lợi.

Trong thực tế, không ít doanh nghiệp còn hiểu khá đơn giản về chuyển giao công nghệ, đôi khi cho rằng việc mua một số máy móc, thiết bị đã là chuyển giao công nghệ. Điều đó cho thấy doanh nghiệp chưa xem xét vấn đề công nghệ một cách đầy đủ, gắn với sản phẩm và định hướng kinh doanh, không phát huy hết tác dụng của trang thiết bị, gây ra lãng phí. Nói một cách hình tượng là doanh nghiệp “*dùng dao mổ trâu cắt tiết gà*” khi không tận dụng triệt để những lợi ích của chuyển giao công nghệ. Ví dụ trường hợp một doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ kèm thiết bị sản xuất ngói không nung, nhưng thực tế chỉ thực hiện việc mua bán thiết bị nén thủy lực, trộn vật liệu (bê-tông), một số khuôn ép ngói và hướng dẫn cách sử dụng; còn phần quan trọng là các công thức phối trộn, xử lý vật liệu và sản phẩm thì không được chuyển giao. Sau khi nhận thiết bị, doanh nghiệp phải tự thử nghiệm, xác định công thức phối trộn nguyên liệu, đánh giá chất lượng, thăm dò thị trường... trước khi đưa vào sản xuất chính thức. Việc sản xuất thử đó gây ra cho doanh nghiệp những chi phí phụ trội không lường trước, thậm chí có thể không đưa ra được sản phẩm mong muốn.

Để khuyến khích, hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ, nhà nước đã ban hành nhiều chính sách như *Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020* theo Quyết định 677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng

Chính phủ và *Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015* theo Quyết định 1263/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng và đang được ngành chuyên môn tham mưu tiếp tục triển khai các năm tiếp theo.

Những điểm cần lưu ý khi tham gia chuyển giao công nghệ

Việc chuyển giao công nghệ thường được thực hiện thông qua hình thức hợp đồng chuyển giao công nghệ độc lập, hoặc một phần của dự án đầu tư, hợp đồng mua bán quyền thương mại, quyền sở hữu trí tuệ hay mua bán thiết bị. Các bên tham gia có quyền đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với cơ quan nhà nước (cụ thể là Sở Khoa học và Công nghệ của tỉnh) để được hưởng các chính sách ưu đãi liên quan đến chuyển giao công nghệ (ví dụ: miễn, giảm thuế cho các sản phẩm trong thời gian nhất định...).

Khi chọn lựa công nghệ, vấn đề tiên quyết là thị trường sản phẩm do công nghệ đó tạo ra. Việc xác định rõ thị trường sản phẩm được tạo ra (với đầy đủ các yếu tố kinh tế - kỹ thuật như tính năng, tiêu chuẩn sản phẩm, mức độ và quy mô gia nhập thị trường, giá cả, vòng đời sản phẩm tương đương) là yêu cầu cơ bản, giúp việc định giá tối đa có thể đầu tư công nghệ mới với mức độ, hiệu quả, quy mô và tuổi thọ cụ thể... Ngay cả việc chỉ đổi mới một phần trong dây chuyền công nghệ sẵn có để tạo ra các sản phẩm mới hoặc nâng cao hiệu quả của dây chuyền cũng phải xem xét đầy đủ các yếu tố trên.

Trong trường hợp đầu tư công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm hoàn toàn mới, có thể tham khảo các yếu tố của các sản phẩm tương tự trên thị trường hoặc phải tiến hành điều tra riêng. Những vấn đề chi tiết hơn cũng cần thiết được xem xét để bài toán đầu tư, chuyển đổi công nghệ mới của doanh nghiệp khả thi và hiệu quả. Tuy nhiên, để có những thông tin này (thường phải thu thập, thống kê và xử lý chuyên biệt nhiều năm), các doanh nghiệp phải cần đến các nhà tư vấn chuyển giao chuyên nghiệp nhằm giới thiệu, so sánh các công nghệ hiện có, đặc biệt là các so sánh kinh tế với hoàn cảnh cụ thể của doanh nghiệp và thị trường kỳ vọng hướng đến.

Trong chuyển giao công nghệ, cần chú trọng một vấn đề mang tính cốt lõi là sở hữu trí tuệ. Các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các tri thức được bảo hộ trong công nghệ chuyển giao (phải xem xét cụ thể đến từng công đoạn); các yếu tố bảo hộ khác trong sản phẩm được tạo ra



Vận hành nhà máy xử lý chất thải rắn Tp. Đà Lạt

(như kiểu dáng, các thiết kế mạch...) cũng phải được xem xét đầy đủ. Đàm phán về chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ luôn là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi bên nhận chuyển giao phải tinh tường, tránh vướng phải các tranh chấp pháp lý về sau, cũng như tránh việc phải bỏ tiền cho các bản quyền chưa được bảo hộ hoặc đã hết thời gian bảo hộ.

Một lưu ý trong đàm phán chuyển giao công nghệ liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ thường gặp là bên bán luôn nói có bí quyết (know-how) không thể tiết lộ chi tiết trừ khi đã ký hợp đồng chuyển giao, gây khó khăn cho việc định giá công nghệ. Khi đó, việc thực hiện một văn bản cam kết chính thức về việc giữ bí mật của bên muốn mua (khi được xem trước bí quyết) là cần thiết và bên bán buộc phải chấp nhận, nếu muốn đàm phán thành công.

Trong hợp đồng chuyển giao công nghệ, cần chú ý đến việc chuyển giao có độc quyền hay không, quyền chuyển giao lại (tiếp theo), quyền cải tiến công nghệ và các quyền hạn, nghĩa vụ liên quan, quyền (độc quyền) bán các sản phẩm tạo ra, phạm vi lãnh thổ bán sản phẩm... Đối với việc chuyển giao các quyền sở hữu trí tuệ trong công nghệ cũng phải được xem xét đầy đủ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Vấn đề quan hệ giữa chuyển giao công nghệ và thương hiệu sản phẩm tạo ra là một yêu cầu đòi hỏi doanh nghiệp quan tâm cân nhắc trước khi nhận chuyển giao công nghệ. Với công nghệ tạo ra các sản phẩm đã bán trên thị trường, việc sản xuất ra sản phẩm tương tự và không có tên tuổi thì khó có thể cạnh tranh được, chưa kể doanh nghiệp đi trước đã khấu hao một phần nên việc giảm giá để cạnh tranh hoàn toàn có khả năng xảy ra. Trong những tình huống đó, việc chọn lựa phương án chuyển giao thương hiệu kèm theo công nghệ cũng là giải pháp thích

(Xem tiếp trang 14)

LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2014

NHỮNG ĐIỂM MỚI, VƯỚNG MẮC VÀ VIỆC THÁO GỖ

LÊ THỊ HẠ

Phó giám đốc Sở Tư pháp

Luật Doanh nghiệp năm 2014 (Luật số 68/2014/QH13) được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015.

So với Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014 tăng 41 Điều, gồm 10 Chương, 213 Điều. Luật Doanh nghiệp năm 2014 vừa kế thừa, luật hóa những quy định còn phù hợp đã và đang đi vào cuộc sống, đồng thời sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới nhằm tháo gỡ những hạn chế, bất cập của Luật Doanh nghiệp năm 2005, tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Một số đổi mới cơ bản

Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã chính thức bãi bỏ nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có thể đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, các nhà đầu tư nước ngoài muốn thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam đều phải được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, sau đó sẽ thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; tách riêng thủ tục thành lập doanh nghiệp với các thủ tục về đầu tư dự án. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là hình thức để Nhà nước ghi nhận sự hình thành và việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thể hiện dưới hình thức văn bản hoặc bản điện tử, gồm 4 phần chính là: (i) tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp; (ii) địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; (iii) thông tin chi tiết nhân thân của cá nhân là người đại diện theo pháp luật, chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, thành viên công ty và thông tin của thành viên tổ chức; (iv) vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không có nội dung ngành, nghề kinh doanh và danh sách cổ đông sáng lập



Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

(đối với công ty cổ phần) cũng như việc xác định vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề...

Rút ngắn 2 ngày làm việc đối với thời hạn xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 và Khoản 3 Điều 31, thời hạn để Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới; thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là trong 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Luật Doanh nghiệp năm 2005 là 5 ngày).

Đơn giản hóa hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp. Theo

quy định tại Khoản 2 Điều 18 quy định: trong một số trường hợp, khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể yêu cầu người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp. Như vậy, về cơ bản, Phiếu lý lịch tư pháp không phải là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp. Quy định này giảm đáng kể thời gian thành lập doanh nghiệp và chi phí tuân thủ cho cả cơ quan nhà nước và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường đầu tư, kinh doanh ở nước ta. Bởi vì nếu coi Phiếu lý lịch tư pháp là thủ tục bắt buộc phải có trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp thì



Người dân tìm hiểu thủ tục đăng ký kinh doanh

doanh nghiệp phải mất ít nhất từ 10-15 ngày và lệ phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp; các cơ quan liên quan như Sở Tư pháp, Công an tỉnh phải mất thời gian xác minh; các cơ quan tổ tụng khác phải cung cấp thông tin cần thiết để Sở Tư pháp có cơ sở cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Về con dấu của doanh nghiệp, theo quy định tại Điều 44, doanh nghiệp có quyền quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp; doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu trước khi sử dụng với Cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trước đây, doanh nghiệp phải đăng ký và lấy Giấy chứng nhận mẫu dấu từ cơ quan công an. Hiện nay, doanh nghiệp được hoàn toàn tự quyết định hình thức, nội dung con dấu và có thể chủ động khắc dấu. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp chỉ cần gửi thông báo mẫu dấu cho Cơ quan đăng ký kinh doanh. Việc đăng tải công khai mẫu con dấu của doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp giúp người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội có thông tin đầy đủ, chính xác, cập nhật về thông tin đăng ký nói chung và thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp nói riêng.

Doanh nghiệp xã hội là nội dung mới được quy định cụ thể

tại Điều 10, là doanh nghiệp hoạt động nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng và sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của đơn vị để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đăng ký.

Doanh nghiệp nhà nước quy định tại Chương IV là chương mới hoàn toàn so với Luật Doanh nghiệp năm 2005. So với quy định, doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp trong đó nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ. Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Những khó khăn, vướng mắc

Mặc dù có nhiều điểm mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tháo gỡ những hạn chế, bất cập của Luật Doanh nghiệp năm 2005, tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế, nhưng thực tế thi hành từ ngày 01/7/2015 đến nay cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc, gây lúng túng cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

Theo quy định mới, doanh nghiệp có toàn quyền với con dấu của mình, thay vì phải đăng ký với cơ quan công an, doanh nghiệp chỉ cần thông báo mẫu dấu với Cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2014 vẫn chưa ban hành

kịp thời, gây lúng túng trong quá trình thực hiện của doanh nghiệp và các cơ quan quản lý liên quan.

Thời gian cấp đăng ký doanh nghiệp giảm đi 2 ngày, nhưng số lượng doanh nghiệp lại tăng lên, trong khi mã số doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế cấp tự động đã ảnh hưởng đến thời gian thực hiện đăng ký doanh nghiệp, tạo áp lực không nhỏ đến cán bộ làm nhiệm vụ đăng ký kinh doanh và gây lúng túng cho cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, phần lớn doanh nghiệp chưa thực sự chủ động trong việc tìm hiểu các thông tin thay đổi, hoặc chưa hiểu rõ ràng, đúng theo tinh thần cải cách của Luật nên việc chuẩn bị hồ sơ còn thiếu sót.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 chưa quy định rõ những trường hợp người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Một số giải pháp nhằm tháo gỡ vướng mắc

- Tăng cường phổ biến, tuyên truyền, tập huấn Luật Doanh nghiệp năm 2014 đến mọi đối tượng liên quan nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết để thực thi có hiệu quả, phát huy tốt những điểm mới, sáng tạo và tích cực của Luật.

- Cần sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành, nhất là việc xác định rõ tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội quy định tại Điều 10, theo đó quy định rõ trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động doanh nghiệp xã hội. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp xã hội cần bổ sung thêm Bản cam kết mục tiêu xã hội, môi trường với thời hạn ít nhất là 5 năm và Phương án kinh doanh của doanh nghiệp. Để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp xã hội, cần khuyến khích

thông qua một số chính sách như miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần lợi nhuận mà doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư nhằm tiếp tục thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của đơn vị; các doanh nghiệp có viện trợ cho doanh nghiệp xã hội thì các khoản viện trợ đó được tính vào chi phí doanh nghiệp; quy định chuyển đổi thành doanh nghiệp xã hội và ngược lại; quy định cụ thể về sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp xã hội. Cho phép chuyển đổi cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội và quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội; quy định chi tiết nguyên tắc theo dõi và giám sát đối với doanh nghiệp xã hội nhằm tránh việc lạm dụng doanh nghiệp xã hội để hoạt động thu lợi cho cá nhân, tổ chức thay vì phục vụ mục tiêu cộng đồng. Đối với những doanh nghiệp xã hội có nhận viện trợ, phải công khai hóa trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp các khoản viện trợ đã nhận và Báo cáo đánh giá tác động xã hội hàng năm. Trường hợp doanh nghiệp xã hội giải thể, số dư tài sản hoặc tài chính còn lại đối với nguồn tài sản, tài chính do các tổ chức trong và ngoài nước hoặc do Nhà nước mà doanh

nh nghiệp xã hội đã nhận để thực hiện các mục tiêu xã hội phải được chuyển cho các doanh nghiệp xã hội hoặc tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.

- Quy định rõ về con dấu của doanh nghiệp theo Điều 44. Trong đó, cần xác định thẩm quyền quyết định số lượng, hình thức, nội dung, quản lý, sử dụng con dấu của doanh nghiệp và chi nhánh, văn phòng đại diện, gồm: chủ doanh nghiệp tư nhân; chủ sở hữu, hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh; hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; doanh nghiệp được quyền tự chủ trong thiết kế nội dung và hình thức con dấu nhưng quy định rõ các trường hợp cấm sử dụng những ngôn ngữ, hình ảnh trong nội dung và hình thức con dấu như: Quốc kỳ, Quốc huy, Đăng ký nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hình ảnh, biểu tượng của nhà nước, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân; cấm sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm khi sử dụng

đối tượng đã được bảo hộ về sở hữu trí tuệ trong nội dung con dấu.

- Quy định trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước theo Điều 208, xác định rõ mục tiêu quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp là hướng dẫn, hỗ trợ, tuyên truyền và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp

tuân thủ đúng quy định pháp luật; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước về tình hình hoạt động của doanh nghiệp nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp một cách đầy đủ, cập nhật và toàn diện. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp được lưu trữ tại cơ quan, đơn vị; giúp doanh nghiệp có điều kiện theo dõi, giám sát các doanh nghiệp khác trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Quy định rõ những trường hợp người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Hướng dẫn các nội dung chuyển tiếp từ Luật Doanh nghiệp cũ sang Luật Doanh nghiệp năm 2014 như việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ hiện có ghi ngành nghề kinh doanh, nhưng sau ngày 01/7/2015 sẽ không ghi nữa, cùng với những con dấu đã được cơ quan Công an đăng ký nhưng sau ngày 01/7/2015, doanh nghiệp tự quyết về con dấu...

- Ủy ban nhân dân tỉnh cần xây dựng hệ thống chính sách, đẩy mạnh việc quản lý, giám sát doanh nghiệp một cách chủ động và trên cơ sở nguyên tắc quản lý rủi ro.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 được Quốc hội thông qua là sự kiện quan trọng đánh dấu những đổi mới rất trọng yếu liên quan đến doanh nghiệp, thể hiện ý chí, nguyện vọng của đại đa số doanh nghiệp. Tuy nhiên, để Luật thực sự phát huy tác dụng và đi vào cuộc sống, cần có sự đồng lòng nỗ lực của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân. ■



Hoạt động sản xuất tại Công ty TNHH Vĩnh Tiến

GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH THÁO GỠ KHÓ KHĂN, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN

ThS. LÊ MINH HƯƠNG

Viện Chiến lược và Chính sách tài chính

Bối cảnh không thuận lợi của nền kinh tế thế giới thời gian qua đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Quốc hội và Chính phủ đã kịp thời ban hành nhiều giải pháp tài chính tháo gỡ khó khăn, tạo thêm nguồn vốn giúp doanh nghiệp duy trì và phát triển hoạt động sản xuất - kinh doanh. Trong năm 2015, nhiều giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục được duy trì và bổ sung nhằm tiếp thêm động lực cho doanh nghiệp phát triển.

Giải pháp tài chính chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp

Trước những khó khăn của doanh nghiệp (DN) về vốn cho hoạt động sản xuất - kinh doanh, mặt bằng sản xuất, giảm lượng hàng tồn kho, cũng như các chi phí thuế khác... Quốc hội và Chính phủ đã thực hiện khá toàn diện và cụ thể các biện pháp về thuế, tín dụng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, các chương trình xúc tiến thương mại, thúc đẩy phát triển thị trường vốn... góp phần tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh, hỗ trợ thị trường, cụ thể như sau:

Một là, hỗ trợ DN về mặt bằng sản xuất thông qua các chính sách liên quan đến tiền thuê đất, tiền sử dụng đất. Việc giảm và gia hạn tiền thuê đất là một trong những chính sách quan trọng gỡ nút thắt về mặt bằng sản xuất cho DN. Đối tượng áp dụng được nới rộng từ giảm 50% tiền thuê đất trong năm 2011, 2012 cho các tổ chức kinh tế đang hoạt động trong ngành sản xuất đến giảm 50% tiền thuê đất phải nộp của năm 2012 cho một số tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

Việc giảm tiền thuê đất tiếp tục được áp dụng cho các tổ chức kinh tế hoạt động trong cả lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, hộ gia đình và cá nhân, cho phép các chủ dự án gặp khó khăn về tài chính được nộp tiền sử dụng đất theo tiến độ thanh toán tiền bán hàng. Chính sách miễn giảm tiền thuê đất được thực hiện kịp thời đã từng bước hỗ trợ các DN, giảm chi phí thuê mặt bằng, có thêm nguồn tài chính giúp ổn định và phát triển sản xuất.

Hai là, tháo gỡ khó khăn về vốn cho DN. Các chính sách về miễn giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN); gia hạn thuế GTGT, thuế TNDN đã có những tác động tích cực đối với DN, tạo dòng vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh trong bối cảnh lãi suất cao, vay vốn từ ngân hàng

gặp nhiều khó khăn, giúp DN giảm chi phí đầu vào, có điều kiện ổn định sản xuất.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành các chính sách khơi thông thị trường vốn, thúc đẩy DN phát hành trái phiếu để huy động vốn thay cho kênh huy động truyền thống. Theo đó, quy mô huy động vốn của DN trên thị trường tăng lên đáng kể, khối lượng huy động trái phiếu DN năm 2014 là 26.722 tỷ đồng, bằng khoảng 2,3% GDP, đáp ứng một phần vốn cho hoạt động của DN.

Ngoài ra, Chính phủ còn thực hiện các chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước như Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) và Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương, góp phần giải quyết bài toán về vốn cho DN. Trong đó, việc ban hành Quyết định 58/2013/QĐ-TTg thay thế Quyết định 193/2001/QĐ-TTg đã tạo điều kiện tốt hơn trong tiếp cận vốn cho các DNNVV. Cụ thể: Nới lỏng điều kiện nhận bảo lãnh tín dụng, yêu cầu tài sản thế chấp, cầm cố giảm từ 30% xuống còn 15% giá trị khoản vay và DN có tối thiểu 15% vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất - kinh doanh; Xác định rõ đối tượng được Quỹ bảo lãnh tín dụng cấp bảo lãnh tín dụng là các DNNVV, khắc phục sự phân tán sang các đối tượng khác như quy định trước đây; Mở rộng mức bảo lãnh tín dụng, theo đó các Quỹ bảo lãnh tín dụng có thể cấp bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ phần chênh lệch giữa giá trị khoản vay và giá trị tài sản thế chấp, cầm cố của bên được bảo lãnh tại tổ chức tín dụng thay vì quy định 80% như Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg, giúp DNNVV tiếp cận nguồn vốn tín dụng dễ dàng, đồng thời tạo thuận lợi hơn cho hệ thống ngân hàng; Phí bảo lãnh tín dụng linh hoạt hơn.

Ba là, hỗ trợ DN giảm lượng hàng tồn kho, tiếp cận thị trường. Chính phủ tiếp tục chi ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình xúc

tiền thương mại giúp DN giới thiệu, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, từng bước nâng cao vị thế của các sản phẩm xuất khẩu. Năm 2014, với tổng kinh phí là 70 tỷ đồng, các chương trình đã hỗ trợ 7.682 lượt DN tham gia với 10.956 gian hàng, 285.285 lượt giao dịch, 2.211.546 lượt khách tham quan, mua sắm, ký kết các hợp đồng, biên bản ghi nhớ với giá trị, doanh thu bán hàng đạt hơn 1,87 tỷ USD và 500 tỷ đồng. Sự hiện diện của sản phẩm xuất khẩu Việt Nam tại các thị trường truyền thống như: Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... ngày càng mở rộng.

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng thực hiện thí điểm bảo hiểm xuất khẩu theo Quyết định số 2011/QĐ-TTg ngày 05/11/2010 về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu từ năm 2011-2013. Đề án thí điểm đã đưa ra sản phẩm bảo hiểm mới, góp phần bảo hiểm rủi ro trong thanh toán cho thương nhân xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của DN xuất khẩu. Qua 3 năm triển khai, các DN bảo hiểm đã cấp 46 hợp đồng, trong đó có 23 hợp đồng bảo hiểm tín dụng xuất khẩu và 23 hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp với tổng kim ngạch xuất khẩu được bảo hiểm là 12.592 tỷ đồng; tổng phí bảo hiểm thu được là 17,23 tỷ đồng, tổng số tiền bồi thường là 13,33 tỷ đồng. Bảo hiểm xuất khẩu đã góp phần quan trọng hạn chế và chia sẻ rủi ro với DN trong quá trình xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, thâm nhập thị trường mới, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các DN xuất khẩu mở rộng thị trường.

Để kích cầu tiêu dùng trong nước, Quốc hội đã ban hành Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN), trong đó điều chỉnh mức thu nhập chịu thuế TNCN từ 4 triệu đồng/tháng lên 9 triệu đồng/tháng, mức giảm trừ gia cảnh từ 1,6 triệu đồng/tháng lên 3,6 triệu đồng/tháng, góp phần tăng chi tiêu của các cá nhân, từ đó tác động trở lại đến thúc đẩy sản xuất - kinh doanh của DN.

Cùng với các giải pháp tài chính trên, việc Chính phủ ký kết các hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Thương mại tự do ASEAN (AFTA), ASEAN - Trung Quốc (ACFTA); ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA); ASEAN - Nhật Bản (AJCEP); Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA); ASEAN - Ấn Độ (AIFTA); ASEAN - Australia/New Zealand (AANZFTA); Việt Nam - Chile (VCFTA), Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), đẩy mạnh đàm phán các hiệp định thương mại tự do khác với mức độ cam kết và chuẩn mực cao hơn như Hiệp định đối tác thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã, đang và sẽ mang lại nhiều cơ hội cũng như



những tác động tích cực đến nền kinh tế Việt Nam, tạo điều kiện cho DN gia tăng khả năng mở rộng thị trường xuất khẩu, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, tham gia vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

Bốn là, khuyến khích tích tụ vốn của DN thông qua giảm nghĩa vụ thuế TNDN. Luật thuế TNDN số 32/2013/QH13 đã đề ra lộ trình giảm thuế suất thuế TNDN phổ thông từ 22% năm 2014 xuống còn 20% năm 2016; thuế suất thuế TNDN ưu đãi (áp dụng đối với DNNVV, tổ chức kinh tế vi mô...) từ 20% năm 2014 xuống còn 17% năm 2016. Việc giảm thuế suất thuế TNDN có tác động tích cực, giúp DN giảm chi phí thuế TNDN, từ đó gia tăng lợi nhuận. Do đó, sức lan tỏa của việc giảm thuế suất còn tác động làm gia tăng hoạt động đầu tư của DN, giảm giá cả hàng hóa, gia tăng tiêu dùng, qua đó kích cầu cho nền kinh tế. Các chính sách về miễn giảm thuế TNDN đã quan tâm hơn đến đối tượng các DNNVV; khuyến khích các tổ chức kinh tế hoạt động trong các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn...

Năm là, cải cách thủ tục hành chính góp phần giải phóng các nguồn lực, cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tạo động lực phát triển cho DN. Trong đó, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan là một trong những giải pháp quan trọng góp phần giảm chi phí tuân thủ về thuế, hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của DN. Thời gian qua, Chính phủ cùng các bộ, ngành liên quan đã tích cực thực hiện nhiều biện pháp nhằm cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho DN từ khởi nghiệp, thực hiện hoạt động đến giải thể, phá sản DN.

Các giải pháp về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan như: (i) Đơn giản hóa mẫu biểu, nội dung kê khai đối với thuế GTGT, thuế TNDN; (ii) Giảm số lần kê khai và nộp thuế GTGT từ 12 lần/năm còn 4 lần/năm,

thuế TNDN từ 5 lần/năm còn 1 lần/năm đối với người nộp thuế có tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của năm liền trước từ 50 triệu đồng trở xuống; (iii) Đơn giản hóa các thủ tục hành chính về thuế như không phải nộp bằng kê hàng hóa mua vào, bán ra khi kê khai nộp thuế GTGT, không phải nộp các chứng từ trong hồ sơ kê khai, nộp thuế, hồ sơ hoàn thuế...; (iv) Áp dụng thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu thương mại (VNACCS/VCIS) tại tất cả các đơn vị hải quan, đảm bảo chất lượng, không làm gián đoạn quá trình làm thủ tục hải quan của DN; (v) Triển khai cơ chế hải quan một cửa quốc gia (NSW) giúp đơn giản và hài hòa hóa thủ tục đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu, quá cảnh, rút ngắn thời gian và chi phí thông quan. Theo đó, DN tiết kiệm được 10-20% chi phí và 30% thời gian thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

Gợi ý chính sách tài chính trợ giúp doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020

Để tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ DN đủ năng lực cạnh tranh khi nền kinh tế hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, trong thời gian tới cần tập trung một số nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, về chính sách thuế: triển khai thực hiện tốt các luật về thuế đã được Quốc hội thông qua như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN, Luật sửa đổi, bổ sung một số Luật về thuế... nhằm giúp DN thụ hưởng chính sách một cách hiệu quả và đúng mục đích.

Thứ hai, về chính sách giá: thực hiện tốt chính sách giá, quản lý, điều hành giá chủ yếu bằng các biện pháp kinh tế vĩ mô, phù hợp với yêu cầu của cơ chế kinh tế thị trường và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; hạn chế việc bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá... để giảm sự “méo mó” của hệ thống giá trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, thực hiện điều chỉnh từng bước theo cơ chế giá thị trường đối với giá đầu vào cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của DN như giá điện, nước, than, xăng dầu... Như vậy, sẽ giúp DN chủ động trong tính toán trước chi phí, giảm bất ổn về chi phí đầu vào do việc điều chỉnh giá các mặt hàng và dịch vụ thiết yếu.

Thứ ba, về chính sách tín dụng: nâng cao hiệu quả hoạt động của các định chế tài chính (Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương) thông qua việc tăng cường nguồn lực tài chính cho các tổ chức này, ban hành các chính sách thu hút vốn đầu tư vào các quỹ bảo lãnh tín dụng. Trong đó, cần đánh giá lại khả năng và quy mô bảo lãnh tín dụng của VDB để xác định nhu cầu vốn phù hợp; nâng cao năng

lực tài chính cho các quỹ đã được thành lập và tạo nguồn vốn để hình thành quỹ tại các địa phương chưa có quỹ bảo lãnh tín dụng; đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng được bảo lãnh.

Thứ tư, thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn: thực hiện các biện pháp khuyến khích sự phát triển thị trường vốn để tạo điều kiện cho DN huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu cũng như các quỹ đầu tư, giảm sự lệ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng. Trong đó, cần tập trung thúc đẩy sự phát triển dịch vụ định mức tín nhiệm nhằm hỗ trợ thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu, nâng cao tính công khai, minh bạch, thúc đẩy huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà đầu tư.

Thứ năm, phổ biến rộng rãi tình hình thực hiện các cam kết, tạo điều kiện cho DN chủ động trong định hướng đầu tư theo chiến lược quốc gia, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh. Các bộ, ngành, hiệp hội cần tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức đối thoại trực tiếp nhằm giúp DN tiếp cận và hiểu rõ các cam kết trong các hiệp định thương mại, trong đó chú trọng tuyên truyền về lộ trình giảm thuế đối với các mặt hàng theo cam kết. Bên cạnh đó, Nhà nước cần tạo một môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, giúp DN tư nhân có sự cạnh tranh lành mạnh, phát huy được lợi thế để tồn tại và phát triển trong môi trường mở cửa, hội nhập ngày càng sâu rộng.

Thứ sáu, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ. Đối với lĩnh vực thuế, hải quan cần: (i) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế thông qua ban hành chế độ quản lý rủi ro đối với các DN thuộc đối tượng thanh tra/kiểm tra về thuế; tiếp tục sửa đổi quy định về hồ sơ hoàn thuế, phần mềm hỗ trợ công tác tự động xây dựng báo cáo hồ sơ hoàn thuế; nộp hồ sơ hoàn thuế qua mạng; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý công tác hoàn thuế và thực hiện công khai để người được hoàn thuế biết thông tin về tình trạng giải quyết hồ sơ hoàn thuế; (ii) Triển khai đồng bộ, rộng khắp ứng dụng công nghệ thông tin trong kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, thanh toán tiền thuế qua di động, Internet; (iii) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để đảm bảo việc triển khai đầy đủ hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS; Rà soát, xây dựng một quy trình chuẩn về các thủ tục liên quan đến việc thông quan hàng hóa... ■

Theo Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHÈ LÂM ĐỒNG TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

NGUYỄN VĂN LỤC

Chi cục trưởng

Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

Lâm Đồng đứng đầu cả nước về diện tích sản xuất và sản lượng chè, đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Tuy nhiên hiện nay, ngành chè đang đứng trước những khó khăn do các thị trường nhập khẩu tăng cường hàng rào kỹ thuật trong thương mại, quản lý chặt chẽ hơn chất lượng các sản phẩm nông sản được nhập khẩu. Làm thế nào để nâng cao chất lượng sản phẩm chè của địa phương là mối quan tâm, trăn trở của những người trong cuộc.

Diện tích canh tác chè của Lâm Đồng chiếm 21%, và sản lượng đạt 30%, lớn nhất cả nước. Sản phẩm chè Lâm Đồng được xuất khẩu sang các nước Trung Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Nhật Bản, Pakistan, Srilanka, Nga... với giá trị xuất khẩu từ 21-32 triệu USD/năm, trong đó thị trường Đài Loan là chủ yếu. Do đó, nếu việc xuất khẩu chè bị ách tắc sẽ gây tổn thất rất lớn cho ngành chè của Lâm Đồng.

Những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng chè của Lâm Đồng

Ngành chè Lâm Đồng hiện đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, đó là sản phẩm chè đen bị tồn đọng không tiêu thụ được khá lớn; chất lượng một số loại chè chưa đáp ứng các tiêu chí của các nước nhập khẩu do một số nguyên nhân sau:

Sản xuất còn manh mún, không thực hiện theo đúng quy hoạch; chưa tạo mối liên kết bền vững giữa doanh nghiệp và hộ nông dân.

Nguyên liệu đầu vào không đồng đều, không kiểm soát được chất lượng và tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm.

Việc sử dụng phân bón chưa phù hợp, ít sử dụng phân chuồng; lạm dụng thuốc diệt cỏ và tùy tiện dùng các loại thuốc

không được phép sử dụng trên cây chè, đặc biệt là thuốc có hoạt chất Fipronil - hoạt chất thuốc BVTV thuộc nhóm độc 2, không được đăng ký sử dụng trên cây chè tại Việt Nam. Tỷ lệ mẫu chè vượt ngưỡng dư lượng thuốc BVTV còn cao.

Việc thu hái chè không đảm bảo tiêu chuẩn cũng làm giảm chất lượng chè. Trong khâu chế biến, ngoại trừ các nhà máy chè Oolong có dây chuyền sản xuất hiện đại, chủ động vùng nguyên liệu nên kiểm soát được chất lượng sản phẩm, đa số công nghệ chế biến các loại chè ướp hương, chè xanh sơ chế, chè đen còn lạc hậu. Việc kiểm soát nguyên liệu đầu vào và chất lượng sản phẩm trước khi tiêu thụ ngoài thị trường còn yếu, không đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.

Công tác quảng bá thương hiệu, tiếp thị sản phẩm chè Lâm

Đồng chưa được thực hiện bài bản, chưa mạnh dạn tiếp cận vào các thị trường chè cao cấp.

Công tác quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm, quản lý kinh doanh và sử dụng thuốc BVTV còn yếu, chưa chặt chẽ. Sự phối hợp giữa các địa phương, đơn vị trong việc thanh, kiểm tra, kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm và hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV chưa thường xuyên.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua, nhiều thông tin thất thiệt như chè bẩn, nhiễm dioxin đã gây ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu chè Lâm Đồng.

Các giải pháp nâng cao chất lượng chè Lâm Đồng

Trước tình hình ngành chè đang gặp nhiều khó khăn, việc triển khai thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng,

Từ giữa năm 2014, Đài Loan hạ thấp mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) cho phép có trong sản phẩm dẫn đến tình hình tiêu thụ chè của nước ta rất khó khăn, sản lượng chè đen xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2015 giảm mạnh so với năm 2014.

Vụ Thị trường châu Á - Thái Bình Dương (Bộ Công thương) cho biết, từ tháng 2 năm 2015 đến nay, Đài Loan tiến hành kiểm tra 100% các lô hàng nhập khẩu nông sản của các nước, trong đó có Việt Nam.

Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc thông báo cơ quan Đài Loan phát hiện 22 lô trà đen (trong đó có 4 doanh nghiệp tại Lâm Đồng) xuất khẩu sang Đài Loan có dư lượng thuốc BVTV vượt quá quy định và bị trả về.

chủ động hội nhập quốc tế là yếu tố sống còn của ngành chè Lâm Đồng hiện nay. Trong quý II, III/2015, tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo để chấn chỉnh hoạt động sản xuất, nâng cao chất lượng chè đáp ứng yêu cầu hội nhập. Theo đó, nhiều giải pháp đã được đề xuất như:



Thu hoạch chè tại huyện Bảo Lâm

Triển khai thực hiện Quyết định 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “*Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn*” nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm từ sản xuất, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ. Đây là điểm mấu chốt để đạt được thành công qua việc kết nối bền vững giữa trồng trọt, chế biến, kinh doanh và tiêu dùng.

Tăng cường tuyên truyền, vận động và chỉ đạo thực hiện tốt quy hoạch vùng sản xuất chè an toàn tập trung theo Quyết định 482/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Chuyển đổi khoảng 2.500-3.000 ha chè hạt, già cỗi, khả năng kháng bệnh kém sang trồng chè cành các giống TB14, LD97, Ngọc Thúy, Tứ Quý, Oolong, Kim Tuyên; phấn đấu đến năm 2020, có 60% diện tích chè được cấp chứng nhận đủ điều kiện sản xuất an toàn theo VietGAP.

Tăng cường quản lý giống, phân bón, thuốc BVTV. Thường

xuyên kiểm tra các cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc BVTV. Không cấp phép tổ chức hội nghị, hội thảo về các loại thuốc BVTV sử dụng cho cây trồng khác trong vùng sản xuất chè. Nâng cao kiến thức sử dụng thuốc BVTV cho nông dân, khuyến khích sử dụng thuốc sinh học, hạn chế sử dụng thuốc diệt cỏ. Áp dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) trong sản xuất chè.

Hỗ trợ nông dân thu hái chè bằng máy giúp tiết kiệm công lao động, giảm số lứa hái và lượng trướng sâu trên cây chè, đảm bảo thời gian cách ly thuốc BVTV.

Rà soát quy hoạch các nhà máy chè theo hướng gắn với nguồn nguyên liệu. Các nhà máy chế biến cần kiểm soát chặt chẽ dư lượng thuốc BVTV trong nguyên liệu và kiểm định chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường. Đầu tư nâng cấp nhà máy theo hướng hiện đại, đồng bộ, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến (HACCP, ISO...), đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm. Đối với các cơ sở chế biến chè xếp loại B, C (chiếm 75% và 12%), cần đầu tư nâng cấp, đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, nâng cao thực phẩm cho người lao động...

Đối với các cơ sở bị cảnh báo hoặc có hàng xuất khẩu bị trả về, phải truy nguyên nguồn gốc để xử lý theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Khuyến khích doanh nghiệp tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Trà B’Lao”; tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tổ chức các lễ hội, tuần văn hóa chè nhằm thúc đẩy việc quảng bá, tiêu thụ sản phẩm.

Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến gắn với xây dựng chuỗi sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ chè an toàn, chú ý đầu tư trang thiết bị vận chuyển chè đảm bảo chất lượng, giảm tổn thất sau thu hoạch.

Các cơ quan truyền thông cần đưa tin trung thực, tránh các thông tin gây hiểu lầm làm tổn hại cho ngành chè; tăng cường quảng bá thương hiệu chè.

Các cơ quan quản lý nhà nước cần đẩy mạnh quản lý vật tư nông nghiệp, kiểm tra việc sử dụng thuốc BVTV, giám sát truy nguyên nguồn gốc các lô hàng nhiễm dư lượng thuốc BVTV để xử lý. Kịp thời chấn chỉnh các cơ sở thu mua, chế biến nguyên liệu chưa đạt yêu cầu. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến. Phối hợp với các hội, đoàn thể tuyên truyền, vận động người trồng chè đảm bảo chất lượng và an toàn, dùng thuốc BVTV trong danh mục được phép sử dụng và đảm bảo thời gian cách ly.

Hy vọng trong thời gian tới, với sự quyết tâm chỉ đạo của các cấp, ngành chè của Việt Nam nói chung và Lâm Đồng nói riêng sẽ có bước phát triển vượt bậc và bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập. ■



Đóng gói sản phẩm trà ướp hương tại DNTN Ngọc Trang

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH QUA ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH ĐIỀN LÂM ĐỒNG

LÊ VIỆT THUẬN

Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng

Từ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng

Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng là doanh nghiệp chuyên hoạt động sản xuất - kinh doanh các mặt hàng phân bón NPK và hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng, khu vực Tây Nguyên và các tỉnh lân cận.

Xác định việc giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm là yếu tố quyết định đến sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp, Công ty luôn quan tâm đến việc quản lý tốt toàn bộ quá trình sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm.

Từ năm 2005 đến nay, nhờ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 đã mang lại những hiệu quả thiết thực đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh của đơn vị như:

- + Xây dựng và áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn, làm cơ sở kiểm soát toàn bộ quá trình hoạt động;
- + Chuẩn hóa mọi hoạt động thông qua các quy chế, quy định cụ thể;
- + Thực hiện chế độ báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác;
- + Thường xuyên đánh giá, cải tiến các quy trình để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm;
- + Lãnh đạo luôn giám sát, xem xét, điều chỉnh kịp thời đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh của Công ty.

Đến các Giải thưởng Chất lượng Quốc gia

Từ năm 2011, Công ty đã tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, xem đây là cơ hội để tự đánh giá hệ thống quản lý nói chung và hệ thống quản lý chất lượng nói riêng; tìm ra những điểm mạnh, điểm cần cải tiến nhằm nâng cao chất lượng trong toàn đơn vị.

Theo đó, 7 tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Quốc gia là cái nhìn tổng thể về mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt có ý nghĩa trong việc đánh giá, cải tiến toàn diện hoạt động quản lý và



Sản xuất phân bón tại Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng

chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ. Việc tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 đã tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận với mô hình hệ thống quản lý theo chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là từ các quốc gia có nền công nghệ phát triển.

Sau khi đạt Giải Bạc Chất lượng Quốc gia (năm 2011, 2012), Công ty đã xem xét, đánh giá toàn bộ hệ thống, hoàn thiện công tác quản lý chất lượng; đề ra những định hướng, giải pháp nhằm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, không ngừng cải tiến, đổi mới thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2013, Công ty vinh dự được Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải Vàng Chất lượng Quốc gia. Đây là sự ghi nhận cho quá trình nỗ lực phấn đấu của ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Công ty.

Có thể đánh giá những hiệu quả đạt được sau 3 năm tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia của Công ty như sau:

- + Nâng cao vị thế thương hiệu, uy tín đối với khách hàng.
- + Nâng cao vai trò của lãnh đạo trong việc tạo dựng tầm nhìn, xây dựng định hướng, mục tiêu chiến lược và thực hiện đúng các cam kết đề ra,

tạo mối quan hệ hài hòa giữa các bên liên quan, trong đó tập trung xây dựng chiến lược hướng vào khách hàng, đề cao mục tiêu phát triển bền vững.

- + Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất - kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- + Xây dựng mục tiêu chiến lược và các giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu; thường xuyên giám sát, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu chiến lược.

- + Đánh giá tiềm năng thị trường và khách hàng, xây dựng chiến lược phát triển kênh phân phối ổn định, đảm bảo hài hòa lợi ích của khách hàng, xây dựng nền văn hóa doanh nghiệp hướng vào khách hàng, lấy khách hàng làm trọng tâm, phát triển các chương trình chăm sóc, tăng cường sự gắn bó của khách hàng đối với Công ty.

- + Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng và phân tích thông tin phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh.

- + Hoạch định việc phát triển nguồn nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với năng lực, trình độ người lao động và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Qua gần 10 năm áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và 3 năm tham gia Giải thưởng

Chất lượng Quốc gia, Công ty đã rút ra những bài học kinh nghiệm để áp dụng thành công hệ thống quản lý năng suất, chất lượng trong đơn vị là:

- Cam kết của lãnh đạo đối với việc thực hiện chính sách chất lượng là điều kiện tiên quyết đối với sự thành công trong việc áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng.

- Sự tham gia tích cực và hiểu biết của mọi thành viên trong Công ty đối với các tiêu chí của hệ thống quản lý.

- Công nghệ hỗ trợ: hệ thống quản lý và việc thực hiện theo các tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Quốc gia có thể áp dụng cho mọi doanh nghiệp không kể loại hình, lĩnh vực kinh doanh và trình độ thiết bị công nghệ. Tuy nhiên, ở các doanh nghiệp có công nghệ hiện đại (thiết bị tiên tiến, ứng dụng công nghệ thông tin,...), việc áp dụng sẽ nhanh chóng và thuận lợi hơn.

- Chú trọng cải tiến liên tục: các hành động cải tiến từng bước hay những hoạt động đổi mới đều mang lại lợi ích thiết thực nếu được thực hiện thường xuyên.

- Sử dụng tư vấn chuyên nghiệp: đây không phải là điều kiện bắt buộc nhưng đóng vai trò quan trọng đối với tiến độ và mức độ thành công trong việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 tại các doanh nghiệp. ■

THỨC DẪY HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ...

(Tiếp theo trang 4)

hợp. Trường hợp các sản phẩm từ công nghệ đó chưa lưu thông trên thị trường mà bên nhận đã đưa vào kế hoạch kinh doanh và dự tính xây dựng thương hiệu riêng, thì việc đàm phán để được độc quyền bán sản phẩm trong phạm vi thị trường nào đó là giải pháp thích hợp.

Một điểm cần quan tâm là cách thức thanh toán giá trị chuyển giao công nghệ. Bên bán công nghệ luôn muốn được thanh toán gọn một lần để có thể nhanh chóng thu lại chi phí nghiên cứu phát triển và giảm trách nhiệm lâu dài. Trong khi đó, bên mua công nghệ thường muốn thanh toán nhiều lần, hay thanh toán kỳ vụ theo sản phẩm sản xuất ra (hoặc bán được); điều này có ý nghĩa ràng buộc bên chuyển giao gắn trách nhiệm đến sản phẩm cuối cùng (thậm chí cả việc bán được sản phẩm, như trong việc chuyển giao công nghệ kèm theo quyền sử dụng thương hiệu). Giải pháp dung hòa thông

thường được hai bên chấp nhận là trả một phần một lần, còn lại là trả kỳ vụ. Thực tế chuyển giao công nghệ ở nước ta cho thấy, với đối tượng chính là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, mức độ hoàn thiện công nghệ trong nước cũng như khả năng thị trường của sản phẩm tạo ra chưa được khẳng định, việc lôi kéo bên chuyển giao cùng tham gia đầu tư bằng giá trị công nghệ có thể là giải pháp đảm bảo cho bên nhận chuyển giao.

Chuyển giao công nghệ để phát triển là nhu cầu và đòi hỏi tất yếu cho mỗi quốc gia, mỗi địa phương và từng doanh nghiệp trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Để thực hiện thành công hoạt động này, cần phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các bên tham gia, gắn việc chuyển giao công nghệ với bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái và phát triển bền vững. ■

Doanh nghiệp có thể tham khảo thông tin hướng dẫn về các chương trình này trên trang tin điện tử của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ hay Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng; hoặc liên hệ trực tiếp tại Phòng Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành - Sở Khoa học và Công nghệ; ĐT: 063.3833161

CẢI TIẾN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TẠI CÔNG TY TNHH DU LỊCH SONG CHÂU ĐÀ LẠT

TRẦN THỊ THÁI HÒA

Giám đốc Công ty TNHH Du lịch Song Châu Đà Lạt
Hệ thống khách sạn Phương Huy

Công ty TNHH Du lịch Song Châu Đà Lạt và hệ thống khách sạn Phương Huy là một trong những công ty du lịch thuộc nhóm vừa và nhỏ của tỉnh Lâm Đồng chuyên kinh doanh, tổ chức các chương trình du lịch tham quan Đà Lạt và các tỉnh trong cả nước. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh các lĩnh vực khác như dịch vụ lưu trú, ăn uống, thuê xe, đặt và giữ chỗ máy bay, xe...

Hiện nay, Công ty đang áp dụng nhiều phương pháp quản lý nhằm tăng cường và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên các nguyên tắc cơ bản:

Định hướng khách hàng (MPPC: Marketing - Project - Production - Consumer);

Quan tâm đến quan điểm chất lượng của lãnh đạo và các trưởng bộ phận;

Xác định chất lượng các dịch vụ cung cấp là hệ quả sự tham gia của mọi thành viên;

Quản lý theo quá trình - khâu/bộ phận phụ trách;

Thực hiện nguyên tắc kiểm tra và liên tục cải tiến;

Hợp tác cùng có lợi giữa nội bộ nhân viên và các đối tác cung ứng dịch vụ;

Tuân thủ nghiêm các quy định pháp lý trong hoạt động kinh doanh du lịch.

Xác định việc cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ là quá trình liên tục trong hoạt động kinh doanh,

thời gian qua, Công ty đã áp dụng đồng bộ nhiều công cụ, phương pháp, mô hình quản lý, đó là:

Thứ nhất, thực hành 5S “Sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng, sẵn sàng” trong tất cả các công việc; xây dựng tinh thần làm việc tập thể, nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân viên; giảm chi phí ẩn; đảm bảo an toàn lao động. Đây là công cụ cải tiến năng suất chất lượng mà Công ty được hướng dẫn và hỗ trợ trong quá trình tham gia dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2012-2015”.

Thứ hai, áp dụng phương pháp “tấn công não” trong quản lý chất lượng (Brainstorming). Công ty thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện, tập huấn về chất lượng dịch vụ cho toàn thể nhân viên ở các mức độ, khía cạnh khác nhau, thường là các chủ đề gắn với những tình huống cụ thể mà nhân viên gặp trong quá trình phục vụ; duy trì nguyên tắc quản trị mở đối với nhân viên để tự do thảo luận, kích thích sự sáng tạo, đưa ra ý tưởng mới trong quá trình thực hiện.

Thứ ba, mô hình “đúng thời hạn” (JIT - Just in time). Đây là mô hình bắt buộc đối với các công ty du lịch nhằm thiết lập



dịch vụ cần thiết, đúng lúc, đúng số lượng; đưa ra mức giá trọn gói đúng thời điểm nhằm “thỏa mãn nhu cầu khách hàng với chi phí tối thiểu”.

Để đánh giá chất lượng cung ứng sản phẩm dịch vụ, Công ty dựa vào 3 nhóm đối tượng là chất lượng thiết kế, chất lượng thực hiện và chất lượng cảm thụ của khách hàng (Satisfaction). Trong đó, nhóm chất lượng cảm thụ luôn được Công ty coi trọng thông qua việc tiếp nhận và xử lý kịp thời các nhận xét của khách hàng sau khi sử dụng dịch vụ bằng phiếu thăm dò, nhận xét của đối tác, qua Fanpage hoặc trực tiếp qua những câu hỏi chăm sóc khách hàng hàng ngày của nhân viên...

Trong thời gian tới, Công ty mong muốn tiếp tục được tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức quản lý, nâng cao năng suất chất lượng cho doanh nghiệp; các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm về cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ; tiếp cận cơ sở dữ liệu về các công cụ quản lý, thông tin về xây dựng thương hiệu và phát triển bền vững. ■

DOANH NGHIỆP TẠO THU NHẬP ỔN ĐỊNH CHO NÔNG DÂN

VĂN VIỆT

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Trường Hoàng - một trong 4 doanh nghiệp được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao - có trụ sở tại thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng đang tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất theo chuỗi liên kết và ứng dụng công nghệ cao, tạo thu nhập ổn định cho hàng trăm lao động nông thôn.

Liên kết tiêu thụ sản phẩm chanh dây

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Trường Hoàng ước tính đã bao tiêu khoảng 300 tấn chanh dây/tháng cho nông dân trên địa bàn tỉnh, tương đương sản lượng thu hoạch trên tổng diện tích khoảng 40 ha. Việc bao tiêu sản phẩm được thực hiện theo hợp đồng liên kết ổn định quanh năm giữa Công ty với 2 tổ chức kinh tế và gần 20 hộ nông dân, trong đó ấn định mức đảm bảo lợi nhuận tối thiểu cho người sản xuất từ 20% trên tổng doanh thu. Toàn bộ các khâu chọn giống chất lượng, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất đều do Công ty trực tiếp thực hiện và chuyển giao đến từng hộ nông dân liên kết. Để thiết lập và triển khai các hợp đồng sản xuất này, Công ty đã mất nhiều năm đàm phán, tìm kiếm thị trường xuất khẩu sang Đài Loan và các nước khác trong khu vực. Sau thời gian đầu xuất khẩu sản phẩm tươi nguyên quả, Công ty đã xuất khẩu thêm các loại sản phẩm chanh dây chế biến tại 9 cơ sở nhà xưởng với 20 kho lạnh ở nhiều địa bàn tập trung nguyên liệu đầu vào của tỉnh.

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện hợp đồng thu mua chanh dây với giá 15.000 đồng/kg, mang lại lợi nhuận cho đối tác nông dân và các tổ chức liên kết sản xuất từ 200-400 triệu đồng/ha.

Sản xuất hoa công nghệ cao

Đến nay, Công ty đã xây dựng được đội ngũ kỹ sư nông nghiệp giàu kinh nghiệm thường xuyên đồng hành cùng với người nông dân trên địa bàn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quá



Lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng thăm mô hình sản xuất hoa công nghệ cao của Công ty tại xã Tu Tra, huyện Đơn Dương

trình canh tác, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng tỷ lệ sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu không chỉ đối với chanh dây mà còn trên các loại hoa cao cấp.

Nếu như năm 2006, Công ty chỉ duy trì sản xuất hoa lily trên diện tích 3 ha thì đến tháng 7/2015 đã tăng lên gần 20 ha. Nhờ áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt kết hợp với bón phân tự động theo lập trình từng thời vụ sản xuất, sản phẩm hoa lily của Công ty luôn đạt doanh thu hàng chục tỷ đồng mỗi năm. Năm 2010-2014, Công ty tiếp tục bước phát triển mới nhờ áp dụng công nghệ trồng lan hồ điệp trong nhà kính của châu Âu trên diện tích 8.000 m², đưa Trường Hoàng trở thành 1 trong 4 doanh nghiệp Lâm Đồng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận đạt tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của quốc gia. Với quy mô sản xuất ngày càng mở rộng, Công ty đã tạo việc làm thường xuyên và thời vụ cho hàng trăm lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số, người lớn tuổi, người nghèo ở xã Tu Tra (Đơn Dương), thị trấn Liên Nghĩa (Đức Trọng) với mức thu nhập từ 120-160 ngàn đồng/người/ngày.

* * *

Định hướng đến năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng vùng nguyên liệu chanh dây từ 3.000-3.500 ha, liên kết tạo thành chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của đối tác nông dân, tạo cơ hội việc làm và góp phần tăng thu nhập cho hàng trăm lao động nông thôn trên địa bàn. ■



Liên kết với nông dân xây dựng vùng nguyên liệu chanh dây

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

DƯƠNG THỊ LỆ QUYÊN

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường

Vàng trang sức, mỹ nghệ là sản phẩm, hàng hóa có giá trị cao nhưng chất lượng, tuổi vàng đều do doanh nghiệp sản xuất tự công bố; người tiêu dùng chỉ biết thông tin về chất lượng, tuổi vàng thông qua người bán. Nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ, ngày 03/4/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định 24/2012/NĐ-CP về “*Quản lý hoạt động kinh doanh vàng*”.

Triển khai thực hiện Nghị định 24/2012/NĐ-CP, ngày 26/9/2013, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư 22/2013/TT-BKHCN (gọi tắt là Thông tư 22) quy định về quản lý, đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường (hiệu lực từ ngày 01/6/2014).

Theo đó, vàng trang sức mỹ nghệ được quy định là vàng có hàm lượng từ 8 Kara (tương đương 33,3%) trở lên, đã qua gia công, chế tác phục vụ nhu cầu trang sức, trang trí mỹ thuật. Nếu sản phẩm có hàm lượng vàng lớn hơn 999 phần nghìn (tính theo khối lượng) thì được xem là vàng tinh khiết. Chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ được phân hạng theo độ tinh khiết, dao động từ 8 Kara (độ tinh khiết không nhỏ hơn 33,3%) đến 24 Kara (99,9%) với 17 hạng mức.

Thông tư 22 cũng quy định yêu cầu về chất lượng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ như: hàm lượng vàng không được thấp hơn giá trị hàm lượng đã công bố. Các kim loại khác sử dụng trong quá trình gia công, chế tác, các vật liệu nhồi hoặc làm đầy chỗ trống, các thành phần của vàng trang sức, mỹ nghệ (gồm cả kim loại nền, vật liệu phủ, vật liệu hàn, vật liệu gắn kết...) phải đảm bảo độ tinh khiết tối thiểu tương đương với hạng được công bố của sản phẩm vàng trang sức; không gây nhầm lẫn về ngoại quan; không chứa các thành phần độc hại, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng vượt quá ngưỡng cho phép theo các quy định hiện hành.

Vàng trang sức, mỹ nghệ được phép lưu thông trên thị trường khi đã công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn theo quy định (Điều 7 - Thông tư 22), trong đó:

- Tiêu chuẩn công bố gồm thông tin về sản phẩm, nhà sản xuất, phân phối, yêu cầu kỹ thuật, ký hiệu phân biệt từng loại vàng trang sức, mỹ nghệ.

- Ghi nhãn vàng trang sức, mỹ nghệ:

- + Đối với nhãn in đính kèm sản phẩm gồm tên hàng hóa; tên, mã hiệu của nhà sản xuất; hàm lượng, khối lượng vàng và khối lượng của vật gắn trên vàng; ký hiệu sản phẩm.

- + Đối với ghi nhãn trực tiếp trên sản phẩm (nếu kích thước sản phẩm phù hợp) gồm: mã ký hiệu sản phẩm, hàm lượng vàng.

Quản lý, đo lường trong kinh doanh vàng

Theo Thông tư 22, các tổ chức, cá nhân xuất, nhập khẩu, sản xuất, mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; kinh doanh mua, bán vàng miếng (gọi tắt là cơ sở kinh doanh vàng) không bắt buộc phải trang bị cân và quả cân.

Cân phải có phạm vi đo và cấp chính xác phù hợp với khối lượng vàng cần đo (có 4 số lẻ sau đơn vị gam: 0,0001 g), được kiểm định và chứng chỉ kiểm định còn thời hạn giá trị sử dụng.

Đối với cân có cơ cấu niêm phong kẹp chì tại vị trí điều chỉnh sai số, cần kiểm định và niêm phong để chống tác động từ bên ngoài có thể làm sai lệch kết quả đo. Đối với cân điện tử có cơ cấu, chức năng hiệu chuẩn nhưng không có vị trí, cơ cấu niêm phong, kẹp chì để chống tác động từ bên ngoài có thể làm thay đổi kết quả đo thì không được dùng trong giao dịch thương mại (chỉ dùng trong phòng thí nghiệm, sản xuất, chế tác...).

Cơ sở kinh doanh vàng phải tự kiểm tra cân định kỳ (ít nhất 1 tuần 1 lần), mở sổ ghi chép theo dõi tình trạng sử dụng cân và lưu sổ tại địa điểm thuận lợi cho việc thanh, kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

Quả cân hoặc bộ quả cân phải có khối lượng và cấp chính xác phù hợp với cân sử dụng, được kiểm định và chứng chỉ kiểm định phải còn thời hạn giá trị.

Thông tư 22 cũng quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan tiến hành kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng và ghi nhãn đối với vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường. Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện thanh, kiểm tra nhà nước về đo lường trong hoạt động kinh doanh vàng và chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên địa bàn.

Kiểm tra đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên địa bàn tỉnh

Trong thời gian qua, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng đã tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc của các cơ sở kinh doanh vàng và người tiêu dùng về những vấn đề liên quan đến các quy định trong quản lý đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa đối với sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ đang lưu thông trên thị trường.

Thực hiện công văn số 595/TĐC-QLCL ngày 15/4/2015 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về kế hoạch kiểm tra đo lường, chất lượng và nhãn hàng hóa vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường, trong quý II/2015, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã phối hợp

Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ cũng quy định cụ thể mức xử phạt hành chính cho hành vi vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ như:

Phạt từ 2-10 triệu đồng đối với trường hợp sử dụng cân không thực hiện kiểm định, hết hiệu lực kiểm định hoặc tự ý tháo dỡ niêm phong, kẹp chì, dấu/tem kiểm định.

Phạt từ 25-35 triệu đồng đối với trường hợp sử dụng cân có phạm vi đo, cấp chính xác không đúng quy định.

Phạt từ 400 ngàn-1 triệu đồng đối với trường hợp không thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng.

Phạt từ 300 ngàn-15 triệu đồng đối với trường hợp ghi nhãn không đúng hoặc không đủ các nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa.



với Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Quản lý Thị trường, Công an tỉnh, phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng các huyện, thành phố tiến hành kiểm tra gần 90 doanh nghiệp kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh; lấy 223 mẫu sản phẩm của 57 doanh nghiệp gồm dây chuyền, mặt dây chuyền, nhẫn tròn (loại 5 phân, 1 chỉ, 2 chỉ, 5 chỉ) để kiểm tra định lượng. Nhìn chung, các cơ sở kinh doanh vàng đã thực hiện đúng các quy định trong sản xuất, kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ; hầu hết các sản phẩm về mặt định lượng đạt yêu cầu. Qua kiểm tra phát hiện 42 trường hợp vi phạm như thiếu hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, thực hiện ghi nhãn không đúng quy định, sử dụng cân trong kinh doanh vàng hết hiệu lực kiểm định và chưa thực hiện kiểm định. Đoàn kiểm tra đã nhắc nhở, yêu cầu doanh nghiệp khắc phục, tiến hành xử lý 15 trường hợp vi phạm về nhãn hàng hóa và đo lường với tổng số tiền gần 70 triệu đồng.

Qua đợt kiểm tra đã tạo những chuyển biến tích cực trong nhận thức của doanh nghiệp, khắc phục những điểm thiếu sót và thực hiện đúng các quy định theo Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN.

Trong thời gian tới, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và tổ chức các lớp tập huấn phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ.

Hướng dẫn các cơ sở kinh doanh vàng thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, ghi nhãn hàng hóa.

Phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác thanh, kiểm tra đối với các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thực hiện đúng các quy định về đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường. ■

TIN CẢNH BÁO CỦA CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

BRAZIL

Sản phẩm điều chỉnh: Khoai tây (tươi, đông lạnh).

Thông báo số G/TBT/N/BRA/642.

Ngày 21 tháng 7 năm 2015.

Mô tả nội dung: Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này đề cập đến việc phân loại tiêu chuẩn chính thức, yêu cầu chất lượng của việc lấy mẫu, trình bày nhãn hoặc dán nhãn liên quan đến khoai tây.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Các yêu cầu về chất lượng; Bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người.

Thời gian góp ý: ngày 19 tháng 9 năm 2015.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: Công bố bằng biên bản chính thức của Brazil.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Viện Đo lường, Chất lượng và Công nghệ - Inmetro.

Điện thoại: +55 21 2563.2840

Fax: +55 21 2563.5637

Email: barreirastecnicas@inmetro.gov.br

Website:

<http://www.inmetro.gov.br/barreirastecnicas>

TRUNG QUỐC

Sản phẩm điều chỉnh: Phân bón - Superphosphate đơn.

Thông báo số G/TBT/N/CHN/1091.

Ngày 22 tháng 7 năm 2015.

Mô tả nội dung: Tiêu chuẩn này quy định các thuật ngữ, yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, quy tắc kiểm tra, ghi nhãn, đóng gói, vận chuyển và lưu trữ phân Superphosphate đơn.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Để kiểm soát thị trường và đảm bảo sức khỏe của động vật và thực vật. Bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe động vật và thực vật.

Thời gian góp ý: 60 ngày sau khi chuyển cho Ban thư ký WTO.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 6 tháng sau khi được thông qua.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa của Trung Quốc.

Điện thoại: +86 10 84603950/84603782

Fax: +86 10 84603811

Email: tbt@aqsiq.gov.cn

TRUNG QUỐC

Sản phẩm điều chỉnh: Phân bón - Amoni nitrat.

Thông báo số G/TBT/N/CHN/1092.

Ngày 22 tháng 07 năm 2015.

Mô tả nội dung: Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp thử, quy tắc kiểm tra, ghi nhãn, đóng gói, vận chuyển, bảo quản và an toàn cho Amoni nitrat.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Để kiểm soát thị trường và thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp

Thời gian góp ý: 60 ngày sau khi chuyển cho Ban thư ký WTO.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: 6 tháng sau khi được thông qua.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa của Trung Quốc.

Điện thoại: +86 10 84603950/84603782

Fax: +86 10 84603811

Email: tbt@aqsiq.gov.cn

AI CẬP

Sản phẩm điều chỉnh: Nước ngọt không có ga.

Thông báo số G/TBT/N/ EGY/84.

Ngày 19 tháng 8 năm 2015.

Mô tả nội dung: Dự thảo tiêu chuẩn Ai Cập cho nước ngọt không có ga - Phần 2: Đồ uống trái cây, đồ uống nhân tạo có liên quan đến các yêu cầu thiết yếu, các chỉ tiêu mô tả đồ uống trái cây và đồ uống chế biến.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Sức khỏe và bảo vệ người tiêu dùng

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: Sẽ được quyết định

Cơ quan chịu trách nhiệm: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa và Chất lượng Ai Cập.

Điện thoại: +202 22845528

Fax: +202 22845504

Email: eos@idsc.net.eg/tbt@eos.org.eg

Website: <http://www.eos.org.eg>

AI CẬP

Sản phẩm điều chỉnh: Đồ uống không cồn.

Thông báo số G/TBT/N/ EGY/93.

Ngày 21 tháng 8 năm 2015.

Mô tả nội dung: Dự thảo tiêu chuẩn Ai Cập cho đồ uống không có cồn từ lúa mạch quy định các yêu cầu thiết yếu, các chỉ tiêu mô tả đồ uống không cồn từ lúa mạch và phương pháp phân tích.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Sức khỏe cho người tiêu dùng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: Sẽ được quyết định.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa và Chất lượng Ai Cập.

Điện thoại: +202 22845528

Fax: +202 22845504

Email: eos@idsc.net.eg/tbt@eos.org.eg

Website: <http://www.eos.org.eg>

JAPAN

Sản phẩm điều chỉnh: Đồ uống có cồn.

Thông báo số G/TBT/N/ JPN/495.

Ngày 15 tháng 7 năm 2015.

Mô tả nội dung: Bản sửa đổi này làm rõ việc sửa đổi các yêu cầu về thiết kế và thiết lập các phương pháp dán nhãn tập thể cho các tiêu chuẩn chỉ thị liên quan đến chỉ dẫn địa lý cho rượu.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: Sẽ được công bố trong Công báo Chính phủ.

Cơ quan chịu trách nhiệm:

Điểm hỏi đáp Nhật Bản;

Phòng thương mại Quốc tế;

Văn phòng Cục Kinh tế;

Bộ Ngoại giao.

Fax: +81 3 5501 8343

Email: enquiry@mofa.go.jp

CẢI TIẾN HỆ THỐNG THU GOM MÀNG BỌT BỂ IMHOFF TẠI XÍ NGHIỆP QUẢN LÝ NƯỚC THẢI ĐÀ LẠT

ThS. HUỖNH CÔNG KHÁNH

Xí nghiệp Quản lý nước thải Đà Lạt

Bể lắng imhoff là hạng mục thứ hai trong dây chuyền công nghệ xử lý tại nhà máy xử lý nước thải, có tác dụng lắng cặn và lên men cặn. Quá trình chuyển động của nước trong máng lắng tồn tại nhiều hạt cặn lơ lửng đồng thời cũng xuất hiện không ít các hạt bọt khí. Quá trình nổi lên của các bọt khí kéo theo các hạt cặn lơ lửng có kích thước bé, trọng lượng nhỏ chưa kịp lắng tạo thành lớp màng bọt nổi dày trên bề mặt máng lắng.

Việc thu gom lớp màng bọt không kịp thời hoặc phương pháp thu gom không hợp lý là một trong những nguyên nhân gây tình trạng tái xuất hiện cặn lơ lửng trong máng lắng. Trước đây, quá trình thu gom lớp màng bọt được thực hiện hàng ngày bằng cách sử dụng vòi nước sạch có áp kết hợp với các xẻng dồn ép lớp màng bọt về đầu bể và dùng xe hút. Quá trình này gây xáo trộn, phá vỡ liên kết của lớp màng bọt, tạo nhiều hạt cặn lơ lửng có kích thước nhỏ làm hiệu quả thu bọt thấp; các hạt cặn lơ lửng có kích thước bé, trọng lượng nhỏ không lắng trôi về bể lọc sinh học và tích lũy dần, dẫn đến tình trạng nghẹt cục bộ trong khối vật liệu lọc, gây khó khăn cho việc phân phối đều nước và khí ảnh hưởng đến quá trình xử lý hiếu khí xảy ra tại bể; đồng thời phương pháp này chưa mang lại hiệu quả về mặt kinh tế và kỹ thuật.

Năm 2012, từ nguồn vốn hỗ trợ khoa học công nghệ, Xí nghiệp Quản lý nước thải Đà Lạt đã thực hiện dự án Cải tiến hệ thống thu gom màng bọt bể imhoff. Bể lắng imhoff có dạng hình chữ nhật, đáy hình chóp đa giác. Cấu tạo bể gồm 2 phần, phần trên có máng lắng, phần dưới là buồng chứa cặn. Bể được chia thành 4 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên gồm 2 máng lắng có kích thước dài 25 m, rộng 2,8 m, sâu 1,5 m. Trên mỗi máng lắng có 2 sàn công tác bằng bê-tông cốt thép giúp thuận lợi cho việc quản lý, bảo trì, bảo dưỡng nhưng lại gây khó khăn cho công tác thu gom lớp màng bọt tại khu vực dưới gầm sàn khi công trình lún không đều.

Sàn công tác chia máng lắng thành 3 phần không đều nhau. Ở mỗi khoang của máng có hệ thống lan can bảo vệ cao 0,8 m bao quanh. Nước thải trong máng có tính độc hại và chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh. Vì vậy, thiết bị phải đảm bảo tính linh động cao, hạn chế tối đa trường hợp người điều khiển phải tiếp xúc trực tiếp với nước thải khi sự cố xảy ra, có khả năng chống ăn mòn trong môi trường nước thải, chịu được những va đập cơ học trong quá trình thao tác.

Các bộ phận của thiết bị thu gom gồm:

Bộ phận chuyển động liên tục (gồm thanh gạt, thanh điều khiển) được làm từ vật liệu nhẹ, bền trong môi trường nước thải, chống ăn mòn, chịu được va đập.

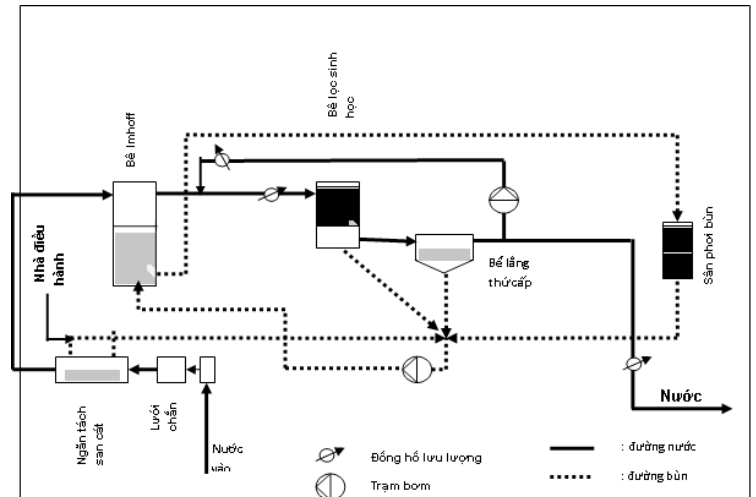
Bộ phận cố định (gồm máng thu, hệ thống van đóng/mở để vận chuyển màng bọt về sân phơi bùn). Cấu tạo máng thu phải đảm bảo thu đều bọt trên toàn bộ tiết diện bể, tận dụng dòng chảy để vận chuyển cặn về sân phơi bùn liên tục theo nguyên lý tự chảy; vật liệu máng có độ bền cơ học cao, chịu được tác động môi trường.

Ưu điểm của thiết bị thu gom:

- Điều khiển thiết bị linh hoạt, kịp thời, phù hợp với sự sai khác kích thước về chiều rộng lẫn chiều cao trong cùng một ngăn lắng hoặc giữa các ngăn lắng với nhau.
- Có thể điều chỉnh tốc độ di chuyển của thanh gạt nhanh/chậm tùy thuộc mức độ xuất hiện bọt ở bề mặt, hạn chế xáo trộn chế độ thủy lực trong máng lắng, không gây ảnh hưởng lớn đến quá trình lắng.
- Thiết bị đơn giản, trọng lượng khoảng 21 kg, dễ sử dụng, có thể chế tạo tại các cơ sở cơ khí bằng vật liệu sẵn có ở địa phương.
- Việc đào tạo, hướng dẫn công nhân vận hành được thực hiện tại chỗ, không đòi hỏi nhiều thời gian và trình độ bậc cao.

Việc chế tạo thành công thiết bị thu gom màng bọt không chỉ mang lại hiệu quả về mặt công nghệ và môi trường, mà còn giúp tiết kiệm trên 210 triệu đồng mỗi năm so với áp dụng phương pháp thu gom màng bọt truyền thống. Việc thu gom lớp màng bọt với hiệu suất cao còn tác động tích cực đến quá trình xử lý sinh hóa tiếp theo tại các công trình như bể lọc cao tải, bể lắng II, hồ sinh học, mang lại hiệu quả trong công tác xử lý nước thải, giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường.

Là một doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích với chức năng quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố Đà Lạt, trong thời gian tới, Xí nghiệp sẽ tiếp tục nghiên cứu các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm hoàn thiện trong công tác xử lý nước thải của địa phương. ■



Sơ đồ dòng chảy nước và bùn trong nhà máy



Thu gom màng bọt bằng phương pháp truyền thống



Thu gom màng bọt qua hệ thống bể lắng Imhoff

HỢP THƯ' CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 24 trang).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng

Trung tâm Tin học và Thông tin Khoa học Công nghệ
Số 35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt. Điện thoại: 063.3833163.
Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

Công nghệ mới - Sản phẩm mới

KIT THỬ NHANH ENVIKIT

Các nhà khoa học thuộc Công ty TNHH Sinh hóa Môi trường Bình Lan đã nghiên cứu, thiết kế thành công các bộ thử nhanh Envikit dùng để kiểm tra chất lượng nước trong nuôi trồng thủy hải sản, công nghiệp, sinh hoạt; kiểm tra chất bảo quản cấm sử dụng trong thực phẩm hay dùng trong quan trắc môi trường nước.

Các bộ thử nhanh được phát triển dựa trên các phương pháp chuẩn quốc tế của US EPA, NIOSH, SHE, ASTM với những cải tiến để tăng hạn sử dụng, độ nhạy, tính tiện ích, đồng thời rút ngắn thời gian đo và giảm lượng hóa chất để sản phẩm thân thiện với môi trường. Sản phẩm Envikit có thể kiểm tra pH, độ cứng, độ kiềm, amoniac, oxy hòa tan, nitrit, sunfua hydro, hàn the, ure, sunfit.

Các bộ thử nhanh được thiết kế gọn nhẹ, tiện lợi cho quan trắc ngoài hiện trường cũng như phân tích trong phòng thí nghiệm; có hạn sử dụng dài nhờ một số cải tiến công nghệ; độ nhạy cao nhờ áp dụng các phương pháp hiện đại và các ống nhỏ giọt có độ chính xác cao.

Chi tiết xin liên hệ: Công ty TNHH Sinh hóa Môi trường Bình Lan
Số 595/208 A Cách mạng Tháng 8, phường 15, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh; ĐT: 08.39700106, 0985714580; Website: binhlan.com



MÁY BÓC VỎ GỖ

Thông qua việc thực hiện đề tài khoa học, các nhà khoa học thuộc Phân viện Cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch tại Tp. Hồ Chí Minh đã nghiên cứu chế tạo thành công máy bóc vỏ gỗ theo nguyên lý trục quay kiểu một trục, sử dụng động cơ nổ.

Máy có kết cấu nhỏ gọn, phù hợp với nhu cầu bóc vỏ gỗ phân tán, năng suất đạt 4,2 tấn/giờ, độ sạch trên 90%, độ sót 1%. Ưu điểm của máy là có thể vận hành theo từng mẻ hoặc liên tục; bóc được vỏ gỗ, vỏ lụa sạt lõi gỗ và cả phần ngọn còn nhiều cành... Máy đã được ứng dụng vào sản xuất tại Công ty TNHH thương mại Trường Anh Toán (Đồng Nai) cho hiệu quả kinh tế cao.

Chi tiết xin liên hệ:

Phân viện Cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

Số 54 Trần Khánh Dư, phường Tân Định, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; ĐT: 08.38481193

Email: siaep@hcm.vnn.vn

BẢO DIỆT MỐI BDM10

Các nhà khoa học thuộc Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình (Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam) đã nghiên cứu sản xuất thành công bảo diệt mối BDM10.

Bảo diệt mối BDM10 dùng diệt mối *Coptotermes* hại cây xanh và các công trình kiến trúc với hoạt chất là hexafumuron và chất nền là các nguyên liệu sẵn có tại Việt Nam. Điểm khác biệt của bảo diệt mối BDM10 so với một số loại thuốc diệt mối *Coptotermes* là sử dụng loại hoạt chất diệt mối thuộc nhóm IV với liều lượng nhỏ, không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Chi tiết xin liên hệ: Viện Sinh thái và Bảo vệ công trình

Số 267 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội; ĐT: 04.38521162; Fax: 04.38518317



LÒ ĐỐT TẠO BIOCHAR TỪ PHÉ PHỤ PHẨM NÔNG NGHIỆP

Khoa Cơ khí - Công nghệ, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế đã nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thành công lò đốt tạo biochar (than sinh học) từ phế phụ phẩm nông nghiệp.

Lò đốt hoạt động theo nguyên tắc đốt yếm khí trực tiếp, tự cháy (có hỗ trợ của quạt gió). Lò đốt có công suất từ 50-300 kg trấu nguyên liệu/mẻ (cho 2 giờ đốt), phù hợp với quy mô hộ gia đình, nông trại trồng rau sạch, hoa và cây cảnh sử dụng giá thể. Lò đốt có khả năng tạo biochar từ các loại phế phụ phẩm nông nghiệp như: vỏ trấu, rơm, rạ, cỏ dại, lá cây, củi vụn, mùn cưa... với các ưu điểm: tiết kiệm thời gian, công sức, ít tạo khói và khí thải, hiệu suất thu hồi biochar đạt từ 95-99%.



Mẫu lò đốt gián đoạn



Sản phẩm biochar từ trấu

Chi tiết xin liên hệ: ThS. Phạm Xuân Phương - Khoa Cơ khí - Công nghệ, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Số 102 Phùng Hưng, Tp. Huế; ĐT: 0912175538; Email: phuong1975vn@yahoo.com

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ XỬ LÝ LỤC BÌNH LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Để xử lý lục bình trên các tuyến sông, kênh, rạch, Trung tâm Công nghệ Sinh học Tp. Hồ Chí Minh đã triển khai đề tài khoa học "Nghiên cứu xử lý lục bình làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ" do TS. Dương Hoa Xô là chủ nhiệm.

Kết quả đề tài đã hoàn thiện quy trình sản xuất các chế phẩm vi sinh vật phân giải cellulose và lignin gồm hỗn hợp 3 loài là nấm *Trichoderma* spp., xạ khuẩn *Streptomyces* spp. và nấm mục trắng *Phanerochaete* spp. Bộ chế phẩm vi sinh được đưa vào ủ để đẩy nhanh quá trình hoại mục trong thời gian 42-45 ngày. Lục bình đem ủ được cắt nhỏ hoặc để nguyên cây vụn cho sản phẩm hoại mục hoàn toàn. Đề tài đã xây dựng quy trình công nghệ xử lý ủ lục bình làm nguyên liệu sản xuất phân bón quy mô 10-15 tấn nguyên liệu/đống ủ; xác định công thức tối ưu về kích cỡ nguyên liệu, tỷ lệ các chất độn, tỷ lệ chế phẩm vi sinh phân giải cellulose phù hợp, các chất phụ gia bổ sung để ủ lục bình mau hoại.



Lục bình sau khi ủ có thể sử dụng làm nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học quy mô công nghiệp hoặc có thể ủ tiếp đến 60 ngày để sử dụng như phân bón hữu cơ thông thường.

Chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Công nghệ Sinh học Tp. Hồ Chí Minh

176 Hai Bà Trưng, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh; ĐT: 08.38225202; Fax: 08.38222567

Email: hoaxo@hcm.vnn.vn

NHÃN HIỆU ĐĂNG KÝ TRONG NƯỚC

Yêu cầu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu (ĐKNH)

- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận ĐKNH hàng hóa (theo mẫu số 04-NH quy định tại Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/2/2007);
- Mẫu nhãn hiệu;
- Tài liệu xác nhận quyền kinh doanh hợp pháp, ví dụ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...;
- Chứng từ nộp lệ phí nộp đơn;
- Giấy ủy quyền nộp đơn (nếu có);
- Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể/nhãn hiệu chứng nhận đối với đơn ĐKNH tập thể, nhãn hiệu chứng nhận;
- Tài liệu chứng minh quyền sử dụng/ĐKNH chứa các dấu hiệu đặc biệt (tên, biểu tượng, cờ, huy hiệu của cơ quan, tổ chức, dấu chứng nhận, dấu kiểm tra, dấu bảo hành, tên nhân vật, hình tượng, tên thương mại, chỉ dẫn xuất xứ, giải thưởng, huy chương hoặc ký hiệu đặc trưng của sản phẩm, dấu hiệu thuộc phạm vi bảo hộ kiểu dáng công nghiệp);
- Tài liệu xác nhận về xuất xứ, giải thưởng, huy chương (nếu nhãn hiệu chứa các thông tin đó);
- Giấy phép sử dụng tên riêng, biểu tượng, hình ảnh của quốc gia, địa phương, doanh nhân, tổ chức do cơ quan, cá nhân có thẩm quyền cấp.

Cách lập tờ khai ĐKNH

- Mẫu tờ khai ĐKNH do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành.
- Điền đầy đủ thông tin vào tờ khai theo quy định về cách lập tờ khai.
- Phân loại hàng hóa, dịch vụ theo *Bảng phân loại hàng hóa, dịch vụ của Thỏa ước Ni-xơ* (nếu không phân loại hoặc phân loại không chính xác, cơ quan đăng ký sẽ thực hiện việc phân loại và doanh nghiệp phải nộp phí).

Lệ phí ĐKNH

- Các khoản phí, lệ phí ĐKNH quy định tại Thông tư số 22/2009/TT-BTC ngày 04/02/2009 của Bộ Tài chính *Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp*.
- Lệ phí ĐKNH có thể được nộp bằng tiền mặt, séc chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi cho Cục Sở hữu trí tuệ.



Quá trình xem xét đơn

- Đơn ĐKNH được thẩm định về hình thức trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nộp đơn (nhận đơn hợp lệ).
- Đơn hợp lệ được công bố trên mạng sở hữu trí tuệ và công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng.
- Đơn ĐKNH được thẩm định về nội dung trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày công bố đơn.

Ghi chú: theo quy định của Luật SHTT sửa đổi, bổ sung năm 2009 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2010, thời gian xét nghiệm nội dung là 09 tháng (tăng 03 tháng).

Hiệu lực của giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận ĐKNH có hiệu lực trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, bắt đầu có hiệu lực từ ngày cấp cho đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn và có thể được gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần 10 năm.

Cách thức nộp đơn

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có cơ sở sản xuất - kinh doanh tại Việt Nam có quyền tự nộp đơn ĐKNH hoặc có thể (không bắt buộc) thông qua tổ chức Đại diện sở hữu công nghiệp.
- Cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở sản xuất - kinh doanh tại Việt Nam bắt buộc phải nộp đơn ĐKNH thông qua tổ chức Đại diện sở hữu công nghiệp.
- Trường hợp chưa hiểu rõ cách thức đăng ký, để tránh mất thời gian theo đuổi đơn, nên sử dụng dịch vụ chuyên nghiệp là các tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp.

Địa chỉ nộp đơn ĐKNH

Đơn ĐKNH có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện theo địa chỉ sau:

- Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ

Địa chỉ: 386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 9B Tú Xương, phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

- Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại Tp. Đà Nẵng

Địa chỉ: 26 Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU RA NƯỚC NGOÀI

Đăng ký nhãn hiệu trực tiếp vào từng nước

Điều kiện nộp đơn: cá nhân hoặc pháp nhân Việt Nam nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại cơ quan sở hữu trí tuệ của nước ngoài mà mình có hoạt động sản xuất - kinh doanh hoặc dự kiến sản xuất - kinh doanh.

Cơ quan nhận đơn: thủ tục đăng ký được tiến hành tại cơ quan sở hữu công nghiệp của nước mà mình có hoạt động sản xuất - kinh doanh hoặc dự kiến sản xuất - kinh doanh.

Thủ tục nộp đơn: việc nộp đơn và làm thủ tục đăng ký phải tuân theo quy định của từng quốc gia. Để nộp đơn và làm thủ tục đăng ký, doanh nghiệp có thể sử dụng đại diện hoặc chi nhánh tại các quốc gia; hoặc sử dụng công ty đại diện sở hữu công nghiệp Việt Nam và nước ngoài để nộp đơn.

Ngôn ngữ: đơn phải được làm bằng ngôn ngữ của nước mà doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu.

Phạm vi và thời hạn bảo hộ: với hình thức bảo hộ đơn lẻ này, nhãn hiệu chỉ được bảo hộ trên phạm vi của quốc gia đó; thời hạn bảo hộ tùy thuộc vào quy định của từng quốc gia.

Đăng ký nhãn hiệu thông qua Hệ thống Madrid

Đăng ký theo Thỏa ước Madrid

a. Điều kiện nộp đơn

- Đã được cấp Giấy chứng nhận ĐKNH tại Việt Nam.

- Mọi cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác của Việt Nam là chủ sở hữu các nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam đều có quyền nộp đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo Thỏa ước Madrid.

b. Đơn đăng ký: đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu được làm bằng tiếng Pháp, kèm theo mẫu nhãn hiệu. Trong đơn cần chỉ rõ các nước thành viên Thỏa ước Madrid mà người nộp đơn muốn nhãn hiệu được bảo hộ.

c. Thời gian xét nghiệm: thông thường trong vòng 12 tháng kể từ khi đơn nộp hợp lệ, nhãn hiệu đăng ký sẽ được chấp nhận bảo hộ ở nước chỉ định trong đơn (nếu đơn không bị từ chối bảo hộ).

d. Nộp phí

- Nộp phí cho Cục Sở hữu trí tuệ.
- Nộp phí cho Văn phòng quốc tế.
- Nộp phí chung cho các nước (bằng nhau theo một mức chung).

Đăng ký theo Nghị định thư Madrid

a. Điều kiện nộp đơn

- Mọi cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác của Việt Nam là chủ sở hữu các nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ (hoặc đã nộp đơn hợp lệ) tại Việt Nam đều có quyền nộp đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo Nghị định thư Madrid.

b. Đơn đăng ký: đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu được làm bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, kèm theo mẫu nhãn hiệu. Trong đơn cần chỉ rõ các nước thành viên Nghị định thư mà người nộp đơn muốn nhãn hiệu được bảo hộ.

c. Thời gian xét nghiệm: thông thường trong vòng 18 tháng kể từ khi đơn nộp hợp lệ, nhãn hiệu đăng ký sẽ được chấp nhận bảo hộ ở nước chỉ định trong đơn (nếu đơn không bị từ chối bảo hộ).

Người nộp đơn có thể nộp đơn ĐKNH quốc gia tại các nước được chỉ định để chuyển đổi đăng ký quốc tế thành đăng ký quốc gia trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đăng ký quốc tế theo Nghị định thư bị mất hiệu lực do đơn ĐKNH hoặc Giấy chứng nhận ĐKNH tương ứng ở Việt Nam bị mất hiệu lực. Trong trường hợp đó, các đơn xin chuyển đổi ĐKNH vào từng quốc gia được giữ nguyên ngày nộp đơn, ngày ưu tiên (nếu có) của đơn đăng ký quốc tế.

d. Nộp phí

- Nộp phí cho Cục Sở hữu trí tuệ.
- Nộp phí cho Văn phòng quốc tế.
- Nộp phí riêng cho từng quốc gia.

Cơ quan nhận đơn:

Đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu được nộp cho Văn phòng quốc tế thông qua Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

Mọi giao dịch giữa người nộp đơn và Văn phòng quốc tế đều phải thông qua Cục Sở hữu trí tuệ (kể cả việc sửa đổi tài liệu, hạn chế danh mục sản phẩm, chuyển giao quyền đã đăng ký).

Thủ tục xét nghiệm đơn đăng ký:

Theo Hệ thống Madrid, thủ tục xét nghiệm đơn được tiến hành độc lập tại mỗi nước thành viên; việc từ chối bảo hộ của một nước thành viên không làm ảnh hưởng đến hiệu lực bảo hộ ở các nước còn lại.

Hiệu lực bảo hộ:

Nhãn hiệu đăng ký quốc tế có hiệu lực bảo hộ giống như nhãn hiệu được đăng ký trực tiếp tại từng quốc gia thành viên.

Ngày ưu tiên: áp dụng theo công ước Paris.

Doanh nghiệp quan tâm đến các thị trường là thành viên của Thỏa ước/ Nghị định thư Madrid, nên thực hiện việc đăng ký theo hình thức này do khá đơn giản, tiện lợi và chi phí có thể rẻ hơn gấp 10 lần so với việc đăng ký trực tiếp ở từng nước.